

VĂN HÓA ĐÔNG SƠN - LOẠI HÌNH LƯỚI CÀY/CƯỚC TIÊU BIỂU MINH CHỨNG CHO VĂN MINH TRỒNG LÚA NƯỚC VÀ ẢNH HƯỞNG TỚI HÌNH THÀNH GIA ĐÌNH, BỘ TỘC LÀNG ẤP, NGƯỜI NGHỆ CỔ

■ Đào Tam Tĩnh

I. Vài nét về Văn hóa Đông Sơn

Làng Đông Sơn nằm bên bờ hữu ngạn sông Mã, ngày nay thuộc phường Hàm Rồng, thành phố Thanh Hóa. Năm 1924, tình cờ một người dân làng Đông Sơn đào giun câu cá đã phát hiện một nhóm đồ đồng. Trường Viễn Đông Bác Cổ đã mua số đồ đồng này và sau đó đã diễn ra các cuộc khai quật được tiến hành cho đến năm 1929. Ông Go Lu Bep đã tổng kết số cổ vật tìm thấy ở Đông Sơn và công bố lần đầu tiên trong tác phẩm *Thời đại đồ đồng thau ở Bắc Kỳ và Bắc Trung Kỳ*. Năm 1934, thuật ngữ *Văn hóa Đông Sơn* ra đời.

Gần 100 năm, sau nhiều cuộc khảo cổ, thám sát, đánh giá, *Văn hóa Đông Sơn* được tổng kết chứng minh cho *Thời đại dựng nước - Thời đại các vua Hùng, Thời đại Hùng Vương là có thật trong lịch sử Việt Nam* (*). Văn hóa Đông Sơn có sức giao thoa và lan tỏa mạnh mẽ và các hiện vật, công cụ sản xuất, đồ sinh hoạt đời sống... được phát hiện ở nhiều vùng đất miền Bắc Việt Nam, trong đó có Nghệ - Tĩnh. Lưu vực sông Lam (sông Cả) Nghệ - Tĩnh cũng là một trung tâm lưu giữ rất nhiều hiện vật *Văn hóa Đông Sơn*, mà tiêu biểu nhất là Làng Vạc nay thuộc phường Nghĩa Hòa, Thị xã Thái Hòa (nguyên trước thuộc huyện Nghĩa Đàn).

II. Những lưới cày Đông Sơn tiêu biểu cho văn minh lúa nước được phát hiện ở Nghệ - Tĩnh

Từ Văn hóa Đông Sơn đã phát hiện nhiều loại hình công cụ, đặc biệt là công cụ sản xuất nông nghiệp

bằng đồng, như lưới cuốc, lưới cày, lưới thuổng, xẻng, lưới riu... Mỗi loại hình công cụ sản xuất cũng có các kiểu dáng khác nhau. Trong khoảng hàng nghìn chiếc lưới cày bằng đồng mà các nhà khảo cổ học, các bảo tàng và các bộ sưu tập tư nhân đã tìm được có tới 4 kiểu dáng tiêu biểu: lưới cày hình tam giác có họng tra cán to khỏe; lưới cày cánh bầu dục; hình thoi; lưới cày hình xẻng vai ngang phân bố ở vùng làng Vạc và khắp các huyện ở Nghệ - Tĩnh. Cước bao gồm lưới cuốc có lỗ tra cán, cước hình tam giác, cước có vai, cước chữ U, cước hình quạt. Riu có riu chữ nhật, riu tứ diện lưới xòe, riu hình lưới xéo, hình bàn chân, riu lưới lệch. Ngoài ra còn có lưới liềm đồng và các công cụ lao động bằng sắt khác...

Trong khuôn khổ bài viết, chúng tôi chú ý đến công cụ tiêu biểu nhất cho văn minh lúa nước người Nghệ cổ qua công cụ hữu hiệu nhất thời đại Đông Sơn là lưới cày đồng Đông Sơn tiêu biểu được phát hiện ở Nghệ - Tĩnh:

1. Năm lưới cày đồng có hình vòm khuyên tròn cân có chiều ngang từ 7-9-10-11-12cm; chiều cao 3-4-5-6cm (đây là phần còn lại do mòn đi sau khi đã sử



Lưỡi cày đồng và cuốc sắt Đông Sơn phát hiện ở Nghệ An

dụng cày ruộng nhiều lần); trong đó bốn lưỡi có họng tra cày hình ống dẹt elip; còn một lưỡi có cán hình chữ nhật dẹt.

2. Ba lưỡi cày đồng có hình vai vuông, có họng tra cày hình chữ nhật dẹt; chiều ngang đo được 10-10,5cm; chiều cao 4-6-6,5cm, lưỡi mòn đều theo đã sử dụng nhiều lần.

3. Một lưỡi cày có hình vai vuông nhưng có phần đúc nhô cao hai đầu mút vai lên phía cán, nhưng họng tra của chiếc này là hình tròn elip dẹt. Tất cả số lưỡi cày đồng trên đều có khuyết một lỗ chốt ở cuối họng tra sát với phần lưỡi.

4. Một lưỡi cày đồng hình vòm khuyết, có họng tra cán cày hai thành dựng và phía trong khoét rãnh để tra; có bề ngang 6cm, cao hơn 6cm. Không rõ đây là lưỡi để dùng cày đất hay là đồ minh khí, cần tìm hiểu rõ thêm?

5. Sáu lưỡi cuốc bằng sắt thời Đông Sơn. Đặc điểm lưỡi tiếp đất hình vòm khuyết tròn, có họng tra dựng thành ở hai bên, phía trong để rỗng trên xuống phần lưỡi; có 2 cái rộng 14cm, cao 9,5cm và phần lưỡi cao 5cm; có 2 cái ngang 10,5cm, cao 8cm, phần lưỡi cao 4cm; 1 lưỡi ngang 9cm, cao 9cm và phần lưỡi cao 5cm; 1 lưỡi khác ngang 7cm, cao 5cm và phần lưỡi 1,5cm.

Sự tiến bộ của công cụ sản xuất, trong đó đáng chú ý nhất là công cụ cày, cuốc ruộng (lưỡi cày, lưỡi cuốc) đã thúc đẩy nền kinh tế đa ngành ngày càng phát triển, đạt đến một trình độ khá cao, trong đó nông nghiệp trồng lúa nước chiếm địa vị chủ đạo, phổ biến rộng rãi

khắp lãnh thổ từ miền núi, trung du đến đồng bằng, ven biển.

Trong việc trồng lúa nước thì nước là điều kiện bắt buộc để hình thành nên nền nông nghiệp lúa nước. Cây lúa nước chỉ có thể phát triển tốt khi sống ở những khu vực khí hậu phù hợp như các vùng nhiệt đới, và đặc biệt tốt, năng suất cao khi hàng năm các con sông lớn như sông Hồng, sông Mã, sông Lam... mang theo một lượng phù sa mới, bồi đắp hàng năm vào các mùa nước lũ. Ngoài ra thì thủy lợi đã đóng vai trò quan trọng và là yếu tố chính của nền nông nghiệp lúa nước, cùng với việc sản xuất ra nhiều loại hình công cụ sản xuất đã góp phần làm tăng năng xuất lao động và giúp cho tầng thượng dư kinh tế người Việt cổ nói chung và Nghệ Tĩnh nói riêng. Đó cũng chính là điều kiện tiên quyết để hình thành nên gia đình, bộ tộc, dòng họ; hình thành nên các làng, xã, ấp, các trung tâm chính trị và nhà nước sơ khai.

III. Vài nét về lịch sử hình thành gia đình, bộ tộc, làng xã ở Nghệ An, trong đó có ảnh hưởng đặc biệt của Văn hóa Đông Sơn

Nhân loại thoát thai từ giới động vật cấp cao, thông qua trí tuệ và lao động mà dần dần tiến bộ, phát triển thành con người hiện đại. Lúc đầu, con người cũng sống theo bản năng tự nhiên: hái lượm, săn bắn và hoàn toàn nhờ vào những cái có sẵn chung quanh, tự cung, tự cấp và thường xuyên phân tán... Sự thiếu thốn lương thực, thực phẩm thúc đẩy con người động não, suy nghĩ, sáng tạo. Họ tạo ra các công cụ lao động giúp cho việc hái lượm săn bắt hiệu quả hơn. Con người thấy cần phải có dự trữ thức ăn nên đã sáng kiến việc trồng lúa, hoa màu, thuần hóa các súc vật. Người Việt cổ đã

hình thành và tiến triển theo cách như vậy từ hàng trăm nghìn năm cho đến cách ngày nay khoảng 3.000-4.000 năm.

Công cụ lao động ngày càng tinh vi thì sức sản xuất ngày càng tăng, con người đã biết dự trữ của cải do mình làm ra. Do đó, con người đã biết sống tập trung thành từng nhóm để giúp đỡ nhau, hình thành nên *bầy người nguyên thủy*, mà hình thức đầu tiên gồm những thành viên có cùng một mẹ sinh ra. Người phụ nữ có thể có nhiều chồng và ngược lại một đàn ông có thể có nhiều vợ, sinh ra chế độ *tạp hôn, quần hôn*. Người đàn ông có sức vóc khỏe mạnh lo việc chế tạo công cụ và lao động sản xuất, còn người phụ nữ quản lý toàn bộ *gia đình*, trông nom con cái và phân phối của cải.

Khi đồ đồng, đồ sắt xuất hiện (đặc biệt là công cụ đồ đồng Đông Sơn), con người đã biết sử dụng sức kéo trâu, bò cày ruộng, lương thực ngày càng dồi dào, bầy người ngày càng đông đảo, cần phải tách ra từng nhóm nhỏ nhưng vẫn giữ quan hệ gắn bó với nhau. Chế độ *quần hôn* tan rã dần và gia đình đã bắt đầu hình thành trong xã hội thị tộc - bộ lạc. Chế độ một vợ một chồng xuất hiện, người phụ nữ vẫn giữ vai trò chủ chốt, con sinh ra chỉ biết có mẹ, như truyền thuyết *Mẹ Âu Cơ* sinh một trăm người con và tách ra một nửa theo mẹ lên rừng, một nửa theo cha xuống biển. Người con cả được mẹ chọn làm vua và hình thành nên nhà nước Văn Lang của 18 đời vua Hùng (Hùng Vương - cùng An Dương Vương Thục Phán hình thành nên nhà nước Âu Lạc. Chế độ *phụ hệ hình thành* với nhà nước Văn Lang được xem như một *nước gia tộc* do ông bố cầm đầu (Bố Vua Hùng). Chế độ hôn nhân dân tộc hình thành, gia đình người Việt xuất hiện và đã có các từ xưng hô như *bố, mẹ, con cái...* *Gia đình*, theo từ nguyên chữ Hán, thì *gia*: nhà; *đình*: sân; *gia đình*: dùng để chỉ những người thân thuộc trong nhà, như cha mẹ, vợ chồng, con cái, là những người sống chung với nhau trong một mái nhà, cùng sinh hoạt với nhau trong một khoảng sân, giúp đỡ nhau làm một công việc nào đó, như chăn nuôi gia súc, trồng trọt, dệt vải...

Gia đình truyền thống dần dần được chia ra làm hai loại hình theo quy mô tổ chức, là tiểu gia đình và đại gia đình. Tiểu gia đình thường gồm hai thế hệ trực tiếp

là cha mẹ và con cái. Thế hệ liền trên là ông bà cùng sống là *Tam đại đồng đường*, hay cả thế hệ liền dưới (cháu), gọi là *Tứ đại đồng đường* (bốn đời cùng sống trong nhà). Từ tiểu gia đình, mở rộng ra mối quan hệ trong thân tộc thành đại gia đình (bên nam/nội) cùng chung một hai đời trên. Dù không cùng chung một nhà, không mật thiết như trong tiểu gia đình, nhưng cũng có sức mạnh đủ để chi phối mọi hoạt động các thành viên về tình cảm làm phát sinh tinh thần gia tộc *Một giọt máu đào hơn ao nước lã*. Gia đình nhỏ phát triển đi lên, càng qua thời gian càng đông đúc, tạo nên một gia đình lớn hơn, người ta gọi là họ tộc. Nhà thờ họ chi, phái, đại tôn là nơi liên lạc, tập trung những thành viên cùng huyết thống, chung một tổ tông. Ngày giỗ chạp - giỗ Tổ là để biểu hiện ý thức *Uống nước nhớ nguồn*. Ngày trước, mỗi đại gia đình (cùng họ nội tộc) thường quản tụ với nhà trên một địa bàn, lập thành một làng, xã (rõ nét ở các làng miền Bắc). Các tên địa danh có gắn với dòng họ theo công thức: Tộc danh + Xá (chữ Nôm là Nhà + Họ), như Ngô Xá (nhà Ngô), Đào Xá (nhà Đào), Phùng Xá (nhà Phùng), Hồ Xá (nhà Hồ)... Các họ tộc quần cư với nhau mới hình thành nên xã hội và quốc gia, trong đó đặc biệt có đóng góp và ảnh hưởng quan trọng của Văn hóa Đông Sơn.

Sự kết tinh giá trị vật chất, tinh thần từ các công cụ sản xuất được đúc kết ra trong quá trình lao động, cuộc sống đã tạo nên nét bản sắc đặc trưng đặc sắc con người, gia đình, dòng họ Nghệ An/Nghệ Tĩnh./.

Chú thích:

(*) *Tinh hoa Đông Sơn - tảng nền Âu - Lạc Việt* Trần Quốc Vương, Tham luận Hội thảo khoa học kỷ niệm 80 năm phát hiện và nghiên cứu Văn hóa Đông Sơn (1924-2004).